

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG NHẬT
Đợt thi ngày 9 tháng 8 năm 2024
(Kèm theo biên bản họp HĐ ĐGNLNN số ngày tháng năm 2024)

STT	SBD	Mã Sinh Viên	Họ	Tên	Năm sinh	Điểm nghe hiểu	Điểm từ vựng	Điểm ngữ pháp - đọc hiểu	2 kỹ năng từ vựng + ngữ pháp, đọc hiểu	Tổng	Ghi chú
1	TN24101	1781110004	Nguyễn Tùng	Anh	1/2/1999	60.0	40.0	73.0	113.0	173.0	
2	TN24102	20810610250	Phạm Phan	Anh	25/8/2002	60.0	7.0	72.0	79.0	139.0	
3	TN24103	20810160472	Đình Gia	Diễn	3/1/2002	59.0	37.0	69.0	106.0	165.0	
4	TN24104	20810110148	Hoàng Thị	Đoan	3/6/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
5	TN24105	19810710227	Trần Minh	Đức	9/1/2001	58.0	34.0	70.0	104.0	162.0	
6	TN24106	20810000237	Lê Thanh	Hải	23/5/2001	37.0	30.0	55.0	85.0	122.0	
7	TN24107	21810620026	Nguyễn Trọng	Hoàng	11/10/2003	58.0	35.0	71.0	106.0	164.0	
8	TN24108	20810000241	Lưu Văn	Hùng	2/10/2002	52.0	34.0	49.0	83.0	135.0	
9	TN24109	20810610248	Phạm Quốc	Huy	21/9/2002	54.0	14.0	45.0	59.0	113.0	
10	TN24110	21810230449	Trương Thị	Huyền	19/11/2003	58.0	39.0	74.0	113.0	171.0	
11	TN24111	18810420309	Lê Tiến	Khôi	28/5/2000	51.0	37.0	74.0	111.0	162.0	
12	TN24112	20810710140	Nguyễn Hiểu	Lam	17/10/2002	48.0	26.0	21.0	47.0	95.0	
13	TN24113	20810000130	Đỗ Thị	Linh	6/10/2002	55.0	25.0	71.0	96.0	151.0	
14	TN24114	20810610002	Nguyễn Văn	Linh	25/2/2001	55.0	17.0	71.0	88.0	143.0	
15	TN24115	20810000200	Nguyễn Văn	Nam	14/2/2002	57.0	34.0	68.0	102.0	159.0	
16	TN24116	21810710052	Hoàng Long	Nhật	15/11/2003	56.0	34.0	56.0	90.0	146.0	
17	TN24117	21810810009	Phạm Tuyết	Nhung	29/9/2003	57.0	12.0	56.0	68.0	125.0	
18	TN24118	20810000246	Nguyễn Thái	Son	6/10/2002	57.0	35.0	70.0	105.0	162.0	
19	TN24119	20810420042	Phạm Xuân	Tùng	31/10/2002	57.0	35.0	70.0	105.0	162.0	

STT	SBD	Mã Sinh Viên	Họ	Tên	Năm sinh	Điểm nghe hiểu	Điểm từ vựng	Điểm ngữ pháp - đọc hiểu	2 kỹ năng từ vựng + ngữ pháp, đọc hiểu	Tổng	Ghi chú
20	TN24120	21810620020	Nguyễn Văn	Thành	26/8/2003	57.0	36.0	69.0	105.0	162.0	
21	TN24121	21810110213	Nguyễn Lê	Thông	26/4/2003	57.0	36.0	71.0	107.0	164.0	
22	TN24122	21810810278	Phạm Thị	Thúy	20/10/2003	57.0	39.0	72.0	111.0	168.0	
23	TN24123	21810810167	Phùng Mai	Trang	12/12/2003	57.0	35.0	72.0	107.0	164.0	
24	TN24124	20810710146	Nguyễn Thanh	Trúc	17/10/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
25	TN24125	19810000102	Vũ Duy	Son	16/09/2001	57.0	35.0	72.0	107.0	164.0	
26	TN24126	19810000066	Nguyễn Văn	Long	08/01/2001	57.0	35.0	72.0	107.0	164.0	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 26 thí sinh

-Điểm tối đa toàn bài 180/180

-Tổng điểm của 3 kỹ năng được sử dụng để xác định bậc năng lực sử dụng tiếng Nhật tương đương JL PT N4. Điểm đạt là 90/180

-Kỹ năng nghe hiểu: tối thiểu 20/60; Từ vựng, Kiến thức ngôn ngữ +Đọc hiểu: tối thiểu 39/120